

Để sử dụng thuốc
Đọc kỹ hướng dẫn và dùng thuốc khi dùng
Thực phẩm bảo vệ sức khỏe / Khoa học và kỹ thuật: Thực phẩm
Silyhepatis
Siro

SDK: VN-15579-12

THÀNH PHẦN:
Mỗi ống Siro chứa:
Fructose
L-Lysine Hydrochloride 1000 mg
Tỷ lệ: Dung dịch D-Sorbitol 70%, sucrose enzymatically modified stevia, natri methyl hydroxybenzoat, natri propyl hydroxybenzoat, acid citric khan, caramel, caramel flavor A-9029, ethanol, nước tinh khiết.

DẠNG BẢO CHỐNG:
Siro

CHỈ ĐỊNH:

- Điều trị duy trì tăng amoniac máu ở bệnh nhân thiếu carbamylphosphate synthetase, thiếu ornithine carbamyl transferase.
- Điều trị duy trì cho bệnh nhân tăng amoniac máu bị citrulin máu, arginosuccinic acid.
- Điều trị hỗ trợ các rối loạn khói tiêu.
- Điều trị hỗ trợ nhằm cải thiện khả năng tập luyện ở những người bị bệnh tim mạch ổn định.
- Bổ sung dinh dưỡng cho người bị rối loạn chu trình ure như tăng amoniac máu tuýp I và II, tăng citrulin máu, arginosuccinic acid và thiếu men N-acetyl glutamate synthetase.

LƯU Ý VÀ CÁCH DÙNG:

- Điều trị duy trì tăng amoniac máu ở bệnh nhân thiếu carbamylphosphate synthetase, thiếu ornithine carbamyl transferase:
- Đường uống:
 - Trẻ sơ sinh: 100 mg/kg mỗi ngày, chia 3-4 lần.
 - Trẻ từ 1 tháng đến 18 tuổi: 100 mg/kg mỗi ngày, chia 3-4 lần.
- Điều trị duy trì cho bệnh nhân tăng amoniac máu bị citrulin máu, arginosuccinic acid:
- Đường uống:
 - Trẻ sơ sinh: 100-175 mg/kg/lần; dùng 3-4 lần mỗi ngày cung thức ăn, hiệu chỉnh liều theo đáp ứng.
 - Trẻ từ 1 tháng đến 18 tuổi: 100-175 mg/kg/lần; dùng 3-4 lần mỗi ngày cung thức ăn, hiệu chỉnh liều theo đáp ứng.
- Điều trị hỗ trợ các rối loạn khói tiêu:
- Người lớn: Uống 3-6 g (3-6 ống)/ngày.
- Điều trị hỗ trợ nhằm cải thiện khả năng tập luyện ở những người bị bệnh tim mạch ổn định:
- Người lớn: Uống 6-21 g (6-21 ống)/ngày, mỗi lần dùng không quá 8 g (8 ống).
- Bổ sung dinh dưỡng cho người bị rối loạn chu trình ure như tăng amoniac máu tuýp I và II, tăng citrulin máu, arginosuccinic acid và thiếu men N-acetyl glutamate synthetase.

Ngày: Uống 1-2 lần/tuần/ ngày tối đa 100ml/ lần
Hàm lượng Niacin

CHÍNH LÝ HÌNH THỊ:

- Bệnh nhân bị tăng amoniac
- Bệnh nhân bị rối loạn chu trình ure

THÔNG TIN DỊCH THUỐC:

Đối tượng: Khi dùng thuốc cho những bệnh nhân sau:

- Bệnh nhân bị tăng amoniac: Thuốc này có chứa caramel nên bệnh nhân bị tăng amoniac cần tham khảo ý kiến bác sĩ hoặc được sỹ tuýp khi dùng thuốc.
- Bệnh nhân tiểu đường: do thuốc này có chứa đường.
- Bệnh nhân bị rối loạn điện giải

Chú ý:

- Tuân theo đúng hướng dẫn và liều lượng.
- Thuốc này chỉ dùng để uống, không được tiêm.
- Tham khảo ý kiến của bác sĩ hoặc được sỹ tuýp nếu các triệu chứng bệnh không cải thiện sau 1 tháng dùng thuốc.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

Để tránh tương tác với các thuốc khác đặc biệt là rượu, bệnh nhân nên thông báo cho bác sĩ biết những thuốc khác đang sử dụng.

SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Do độ an toàn và hiệu quả của thuốc khi sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú chưa được xác định nên chỉ sử dụng thuốc cho những bệnh nhân này khi thật sự cần thiết.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

- Dau và sưng bụng, giảm tiêu chảy, tăng creatinin và creatinin.
- Phản ứng dị ứng với biểu hiện: phát ban, tay và mặt sưng và đỏ. Các triệu chứng này sẽ nhanh chóng biến mất khi ngừng dùng thuốc và sử dụng diphenhydramin.
- Tăng kali máu ở bệnh nhân bị bệnh thận
 - * Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc

SỬ DỤNG QUÁ LIEU:

Quá liều có thể dẫn đến nhiễm acid chuyển hóa thoáng qua kèm thở nhanh. Quá liều ở trẻ em có thể dẫn đến nhiễm acid chuyển hóa tăng clorid máu, phù não hoặc có thể tử vong. Nên xác định mức độ thiếu hụt và tính toán lượng dùng tác nhân kiềm hóa.

HẠN DÙNG:
36 tháng kể từ ngày sản xuất.

BẢO QUẢN:
Trong bao bì kín, ở nhiệt độ dưới 30°C.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:
5 ml/ống; 20 ống/ hộp.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG:
Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

Sản xuất tại:
CHO-A PHARM.CM.M.C
13, Gwanggyo-ro, Hanan-gu, Gyeonggi-do, Gyeonggi-do, Hàn Quốc.